

## HỌC THUYẾT GẮN BÓ CỦA JOHN BOWLBY VÀ NHỮNG LƯU Ý TRONG VIỆC CHĂM SÓC TRẺ

PHẠM HOÀI THẢO NGÂN\*

### TÓM TẮT

Học thuyết gắn bó đề cập mối quan hệ giữa trẻ với cha mẹ trong những năm đầu đời, đặc biệt là với mẹ, và tác động của mối quan hệ đó đến sự phát triển của trẻ. John Bowlby, “cha đẻ” của học thuyết gắn bó, cho rằng mối quan hệ gắn bó giữa trẻ và cha mẹ đã bắt đầu ngay khi trẻ vừa ra đời và duy trì sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến suốt cuộc đời trẻ. Bài viết hướng đến các đối tượng đang thực hiện công việc chăm sóc trẻ với mục đích tìm hiểu những nội dung chính yếu của học thuyết gắn bó để tìm cách cải thiện chất lượng mối quan hệ tương tác giữa trẻ với cha mẹ nói riêng và chất lượng sống của trẻ nói chung.

**Từ khóa:** học thuyết gắn bó, John Bowlby, mối quan hệ giữa trẻ với cha mẹ, người chăm sóc, chăm sóc trẻ.

### ABSTRACT

#### *John Bowlby's attachment theory and some notes in childcare*

Attachment theory explains early parent-child relationship, especially maternal relationship and how it influences on child development. John Bowlby, the founder of attachment theory, believes that attachment begins at birth and has tremendous impacts throughout a person's life. This article aims at those who work with children, in hope of studying the main contents of the attachment theory to help improve the quality of the interactive relationship between parents and the child, in particular, and children's life quality, in general.

**Keywords:** attachment theory, John Bowlby, parent-child relationship, caregivers, child care.

### 1. Đặt vấn đề

Học thuyết gắn bó là một trong những học thuyết đáng chú ý của thế kỉ XX đã nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu tâm lí học trẻ em. Mối quan hệ với cha mẹ là mối quan hệ xã hội đầu tiên trong đời mà trẻ có. Mối quan hệ ấy lưu dấu trong tâm trí trẻ những trải nghiệm đầu tiên về mối dây liên kết với thế giới bên ngoài, hình thành nên thế giới nội tại của trẻ. Cũng chính

thế giới nội tại ấy phần nào sẽ quy định nhận thức, thái độ, hành vi của trẻ trong tương lai đối với cuộc sống và những mối quan hệ liên cá nhân xung quanh mình. Điều này đã được minh chứng bằng các nghiên cứu của Mary Ainsworth, Cindy Hazan, Phillip Shaver về sự ảnh hưởng từ kiểu gắn bó của trẻ với cha mẹ những năm đầu đời lên kiểu gắn bó trong quan hệ tình yêu khi trẻ trưởng thành và cách nuôi dạy con cái khi sau này cũng trở thành cha mẹ [6]. Học thuyết gắn bó đã góp thêm một hướng lí giải mới về những nét tính cách ở người trưởng thành khi

\* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

yêu và khi làm cha mẹ với việc người đó được đáp ứng hay không về sự gắn bó với người chăm sóc trong những năm đầu đời. Thông qua việc nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ đầu đời giữa trẻ và người nuôi dưỡng, học thuyết gắn bó đã mở ra một hướng mới trong việc lí giải những rối loạn hành vi, khó khăn về tâm lí và những vấn đề của trẻ trong đời sống tình cảm và mối quan hệ xã hội. Học thuyết gắn bó cũng là một căn cứ khoa học được các chính phủ ở châu Âu tham khảo khi đưa ra các quy định về chế độ nghỉ thai sản. Trong những cuộc tranh luận nên hay không nên gửi con đi nhà trẻ sớm và sử dụng các dịch vụ chăm sóc trẻ khi người mẹ phải sớm trở lại công việc vì những áp lực nghề nghiệp, học thuyết gắn bó cũng thường được nhắc đến. Phương pháp Kangaroo nuôi ấp trẻ sơ sinh của bác sĩ Edgar Rey Sanabria (1978) đang được Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến khích áp dụng để giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ sinh non, vốn cũng có cùng quan điểm với học thuyết gắn bó [7]. Như vậy, có thể thấy khả năng áp dụng của học thuyết gắn bó trong việc chăm sóc trẻ là rất lớn. Tuy nhiên do nhiều lí do chủ quan và khách quan mà học thuyết gắn bó chưa được các bậc cha mẹ và các giáo viên mầm non ở Việt Nam biết đến nhiều. Do đó, việc tiếp cận những tư tưởng chính của học thuyết gắn bó để tìm ra những đúc kết hữu ích trong thực tiễn công tác chăm sóc trẻ là hết sức cần thiết.

## **2. Giải quyết vấn đề**

### **2.1. Những tư tưởng chính trong học thuyết gắn bó của John Bowlby**

Nhà tâm lí học người Anh John Bowlby (1907-1990) được xem là người đầu tiên đưa khái niệm “sự gắn bó” vào tâm lí học. Sự gắn bó được ông định nghĩa là “*những liên kết tâm lí bền vững giữa con người với con người*” [3, tr.194].

Tuy xuất thân là một nhà phân tâm học, nhưng John Bowlby quan tâm và bị ảnh hưởng nhiều bởi thuyết tiến hóa của Charles Darwin và quan điểm tập tính học của Konrad Lorenz. Sự ảnh hưởng này thể hiện rõ ở quan điểm của Bowlby khi chỉ ra rằng: *Sự gắn bó ở trẻ với người nuôi dưỡng có mục đích sinh học là đảm bảo khả năng sinh tồn và mục đích tâm lí là tìm kiếm cảm giác yêu thương và an toàn* [4, tr.83]. Khi xuất hiện như một sinh linh bé bỏng và yếu ớt giữa thế giới xa lạ, một cách tự nhiên trẻ tìm kiếm sự che chở và chăm sóc từ người lớn như điều kiện để đảm bảo cho khả năng sống sót. Nhu cầu gắn bó không phải là nhu cầu thứ phát như quan điểm của phân tâm học khi cho rằng chỉ khi trẻ được mẹ đáp ứng những nhu cầu cơ bản như bú, ăn, ngủ, bế bồng... cảm giác quyến luyến, muốn gắn bó với mẹ mới hình thành. Sự gắn bó ở trẻ là những hành vi mang tính bản năng, chỉ có đối tượng của sự gắn bó mới mang tính điều kiện. Có nghĩa là, trẻ luôn có khuynh hướng tìm kiếm sự an toàn từ người lớn như một biểu hiện của bản năng sinh tồn. Thế nhưng đối tượng mà trẻ hướng đến không chỉ giới hạn trong quan hệ mẹ-con mà là bất cứ ai có sự gần gũi thường xuyên, chăm sóc, nuôi dưỡng, đáp ứng những nhu cầu sinh lí và

yêu thương của trẻ như bố, ông bà hay vú nuôi.

Bắt đầu từ khi chào đời cho đến 3 tuổi, sự gắn bó đã xuất hiện và giữ vị trí quan trọng. Quá trình gắn bó được John Bowlby chia thành 4 giai đoạn chính (xem bảng 1); trong đó, giai đoạn nhạy

cảm nhất của sự gắn bó là từ 6 tháng đến trước 3 tuổi. Sau 3 tuổi, sự hiện diện của mẹ sẽ không còn xâm chiếm mạnh mẽ thế giới nội tâm của trẻ như trước nữa vì mục tiêu của việc tìm kiếm sự gắn bó đã được mở rộng, khả năng độc lập khám phá cuộc sống xung quanh đã nâng cao.

**Bảng 1. Bốn giai đoạn gắn bó của trẻ với người chăm sóc theo Bowlby**

Giai đoạn	Tuổi	Đặc điểm của sự gắn bó
Tìm kiếm	0-3 tháng	Với giới hạn của các cơ quan thụ cảm, sự gắn bó của trẻ chưa hướng đến đối tượng cụ thể, chưa tỏ ra khó chịu khi người lạ bế ẵm. Trẻ tỏ ra thích nghe giọng nói của con người hơn là những âm thanh khác, thích nghe giọng nói của mẹ hơn là của người khác. Đến 2 tháng tuổi, trẻ bắt đầu biết thể hiện nhu cầu gắn bó qua những giao tiếp bằng mắt
Thiết lập	3-6 tháng	Biết cười đáp lại những giọng nói và sự tiếp xúc cơ thể từ bất kì ai để duy trì sự tương tác, nhưng những phản ứng này đã trở nên chọn lọc hơn, nhạy với người nuôi dưỡng hơn là với người lạ. Trẻ bắt đầu biết phân biệt người quen với người lạ. Trẻ chưa biểu hiện rõ rệt cảm giác lo âu khi phải tạm xa mẹ
Đỉnh cao	6-24 tháng	Phân biệt được cha mẹ với người lạ và thể hiện sự gắn bó rất chọn lọc. Nhu cầu được gần gũi mẹ rất lớn. Các biểu hiện của mong muốn này được trẻ bộc lộ rõ và chủ động hơn. Xuất hiện sự lo âu rõ rệt khi phải xa cách mẹ. Khi đó, nếu người lạ xuất hiện, trẻ sẽ biểu hiện những phản ứng rất mạnh và bột phát
Duy trì	2- >3 tuổi	Thích ứng được với việc xa mẹ tạm thời và sự xuất hiện của người lạ. Cảm giác được an toàn của trẻ ổn định hơn. Đối tượng và mục tiêu của sự gắn bó được mở rộng ra

Khi sự gắn bó được kích hoạt và trẻ cảm thấy an toàn nhờ được đáp ứng nhu cầu sinh tồn và sự yêu thương từ cha mẹ, trẻ mới có thể hướng sự chú ý của mình ra bên ngoài và khám phá thế giới xung quanh một cách tích cực nhất. Ngược lại, khi trẻ không được đáp ứng những nhu cầu cơ bản vì cha mẹ không “đọc” được những tín hiệu của trẻ hay phải xa cách mẹ thường xuyên, trẻ sẽ dễ cáu gắt, quấy khóc, cảm thấy bất an. Nhưng điều khó

khăn với cả mẹ và trẻ là trẻ chỉ có thể diễn đạt tất cả các vấn đề của mình như đói, no, lạnh, nóng, ngứa, đau, ẩm ướt... bằng cách duy nhất là khóc. Nếu mẹ có thể “giải mã” được khi nào trẻ khóc vì đói, khi nào khóc vì đau để đáp ứng cho trẻ, trẻ sẽ có được những trải nghiệm tốt đẹp đầu tiên trong đời về mối liên hệ cảm xúc với người khác. Cũng giống như khi mẹ dỗ dành trẻ lúc khóc vì tiếng ồn ào, mẹ ủ ấm trẻ lúc trẻ khóc vì lạnh... tức là

những tác nhân gây khó chịu từ ngoại cảnh đều bị dập tắt bởi sự xuất hiện của mẹ, trẻ sẽ biết được rằng thế giới này là an toàn đối với mình, mối quan hệ với con người là đáng tin tưởng và bản thân mình cũng là một thực thể được thế giới đón nhận tích cực.

Dựa trên nền tảng thuyết gắn bó của John Bowlby, Mary Ainsworth đã tiến hành các thực nghiệm gọi là “tình huống kì lạ” trên các trẻ từ 12-18 tháng tuổi và phân loại sự gắn bó thành 3 dạng (xem bảng 2). Kết quả được rút ra từ sự quan sát biểu hiện cảm xúc của trẻ khi mẹ rời khỏi phòng và khi mẹ quay trở lại.

**Bảng 2.** Các dạng gắn bó trong quan hệ mẹ-con theo Mary Ainsworth [4]

Dạng gắn bó	Biểu hiện khi mẹ rời khỏi phòng	Biểu hiện khi mẹ quay về phòng
Bền chặt	Khóc, lo lắng	Nhanh chóng vui vẻ trở lại
Chống đối	Khóc, rất lo âu, cấu gấu	Giận dữ, ảm ức, phải dỗ dành nhiều
Trốn tránh	Không khóc hay lo lắng	Không quan tâm, không vui mừng

Các dạng gắn bó cho biết chất lượng của mối quan hệ giữa trẻ với người nuôi dưỡng. Dạng gắn bó lí tưởng nhất là dạng “bền chặt”, khi trẻ cảm thấy an toàn với sự đáp ứng và hiện diện của mẹ, có thể chủ động khám phá thế giới xung quanh và tương tác được với người lạ khi mẹ bên cạnh. Sự mâu thuẫn, hai chiều trong biểu hiện của trẻ ở dạng “chống đối” có thể là do mức độ đáp ứng về sự gắn bó của người nuôi dưỡng đối với trẻ thất thường, lúc thì quá nồng nhiệt, lúc thì xao nhãng hoặc do trẻ được chăm sóc bởi nhiều người khác nhau. Còn dạng “trốn tránh” thể hiện cảm giác an toàn và sự đáp ứng nhu cầu trong quan hệ với người nuôi dưỡng thấp, biểu hiện độc lập của dạng này có thể là do trẻ đã thích ứng với việc một mình và cũng có thể là do khả năng bộc lộ cảm xúc kém.

## 2.2. Những lưu ý trong việc chăm sóc trẻ theo quan điểm học thuyết gắn bó của John Bowlby

Vấn đề đầu tiên có thể xem xét bằng quan điểm của học thuyết gắn bó đó

là nên hay không nên sử dụng phương pháp “cứ khóc đi con” (cry-it-out) để rèn nếp ngủ cho trẻ nhỏ. Phương pháp này vừa bị chỉ trích bởi các nhà thần kinh học lại cũng vừa được ủng hộ bởi một số nhà tâm lí học hành vi phương Tây và nó cũng hoàn toàn đối lập với quan điểm của thuyết gắn bó. Cha mẹ có thể nhanh chóng thấy được hiệu quả của phương pháp “cứ khóc đi con” khi thấy con dần ít khóc hơn, bình tĩnh và ngoan hơn. Thế nhưng khi bị từ chối và xa cách, trẻ ngưng khóc là vì nó buộc phải chấp nhận rằng không thể trông đợi vào sự đáp ứng cảm xúc của người lớn chứ không phải vì những nỗi lo âu của nó đã được giải tỏa. Thuyết gắn bó không khuyến khích sự kè cằn con suốt ngày đêm hay nuông chiều con bất kể khi nào con khóc, mà là giúp trẻ từng bước thích nghi với sự vắng mặt tạm thời của mẹ. Trẻ cần phải được dạy và rèn tính độc lập chứ không phải là dùng sự ức chế cảm xúc để buộc trẻ ngay lập tức phải trở nên độc lập. Sự gắn bó đúng mức trong giai đoạn này không

những không làm hư trẻ mà còn giúp người lớn nhạy cảm với những mong muốn của trẻ hơn, trẻ cũng không cảm thấy phải khóc thét lên thì mới gây được sự chú ý hay thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Nhiều nghiên cứu cho thấy những trẻ được đáp ứng tốt sự gắn bó thời thơ ấu với tỉ lệ cao thì có nền tảng sức khỏe tâm thần, trí tuệ và thể chất khỏe mạnh. [1]

Sự phân chia các giai đoạn gắn bó với người nuôi dưỡng trong những năm đầu đời đã đưa ra gợi ý về thời điểm lí tưởng cho trẻ đi nhà trẻ. Thuyết gắn bó cho rằng việc cho trẻ đi học mẫu giáo quá sớm hay quá trễ so với mốc thời gian 3 tuổi đều không tối ưu. Bởi vì thời gian nhạy cảm nhất với sự gắn bó của trẻ là từ 6 tháng đến 2 tuổi. Theo thuyết gắn bó, ở giai đoạn này, môi trường chăm sóc tốt nhất vẫn là ở nhà và đối tượng chăm sóc tốt nhất chính là cha mẹ. Đến mốc 3 tuổi, sự gắn bó của trẻ đã chuyển sang giai đoạn duy trì, đối tượng gắn bó mở rộng và sự phát triển chung về thể chất, tâm lí, nhận thức, tình cảm của trẻ cũng đã sẵn sàng hơn. Do đó đây chính là thời điểm lí tưởng để cho trẻ đi nhà trẻ và làm quen với môi trường lớp học. Nhưng vì nhiều lí do khác nhau, có thể cha mẹ phải quyết định cho trẻ đi nhà trẻ sớm hơn thông thường. Điều gì sẽ xảy ra khi mẹ bỏ lỡ sự gắn bó với trẻ trong những năm đầu đời, đặc biệt là giai đoạn từ 6 tháng đến 2 tuổi? Thực ra, học thuyết gắn bó không giới hạn đối tượng của sự gắn bó chỉ là mẹ mà có thể là bất cứ ai có thể gần gũi nhiều và đáp ứng được các nhu cầu của trẻ. Vì vậy, bố, ông bà hay cả vú nuôi cũng có thể trở thành mối quan hệ gắn bó

chính của trẻ. Thuyết gắn bó đặc biệt phản đối việc để trẻ một mình với bốn bức tường, giường cũ và ti-vi, cho dù căn phòng của trẻ có đầy đủ các thiết bị camera, cảnh báo hiện đại thế nào đi nữa. Trong trường hợp không thể nhờ đến sự chăm sóc của người thân thì cha mẹ phải hết sức lưu tâm trong việc chọn nơi gửi trẻ. Nơi gửi trẻ ngoài việc đảm bảo các yêu cầu cơ bản về cơ sở vật chất và chuyên môn thì tỉ lệ giáo viên/trẻ phải đạt chuẩn để có thể đáp ứng được các nhu cầu đặc biệt cho những trẻ còn quá nhỏ. Cho dù đưa trẻ đến trường sớm hay muộn, hay đúng tuổi thì việc theo dõi các biểu hiện của trẻ sau một ngày trở về nhà và trò chuyện, duy trì mối quan hệ gắn bó giữa trẻ với gia đình cũng rất quan trọng.

Vấn đề tiếp theo có thể rút ra từ học thuyết gắn bó đó là mối liên hệ giữa sự gắn bó tích cực với cha mẹ những năm đầu đời với tâm thế sẵn sàng đến trường của trẻ. Dạng gắn bó với mẹ những năm đầu đời không chỉ ảnh hưởng đến dạng gắn bó trong tình yêu đôi lứa khi trưởng thành mà gần nhất còn là sự gắn bó của trẻ với bạn bè và cô giáo khi trẻ đến trường mầm non, tức khả năng hòa nhập và tâm lí sẵn sàng đến trường. Những trẻ thuộc dạng gắn bó “tránh né” vốn ít bày tỏ cảm xúc khi mẹ vắng mặt, có thể sẽ nhanh chóng thích nghi với việc phải đến trường hơn so với trẻ thuộc dạng “bền chặt”. Có thể trẻ sẽ có xu hướng hoặc rất khó hòa nhập với bạn bè hoặc mong muốn được gắn bó với bạn bè cùng lứa trở nên rất mạnh mẽ. Trẻ thuộc dạng “chống đối” sẽ gặp khó khăn hơn cả trong việc làm quen với trường lớp.

Đối với cha mẹ, nhận diện được dạng gắn bó sẽ giúp cha mẹ hiểu được chất lượng mối quan hệ với trẻ và kịp thời điều chỉnh để chuẩn bị cho trẻ sự phát triển đời sống tâm lý thật tích cực về sau. Đối với các giáo viên mầm non, nhận diện được dạng gắn bó của trẻ với cha mẹ của chúng giúp các cô hiểu được những vấn đề trẻ có thể gặp trong việc thiết lập mối quan hệ với bạn bè, đưa ra các tư vấn cho phụ huynh để phối hợp giáo dục hay chủ động xây dựng dạng gắn bó “bền chặt” như một người mẹ thứ hai để hỗ trợ trẻ vượt qua những khó khăn tâm lý trong quá trình thích ứng với môi trường mới.

Mỗi đứa trẻ là một thế giới riêng biệt, vì vậy việc ứng dụng bất kì học thuyết nào cũng cần sự linh hoạt nhất định. Học thuyết gắn bó còn nhắc nhở chúng ta cần chú ý đến những trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, như: trẻ sinh non; trẻ mồ côi; trẻ bị bạo hành, ngược đãi. Trong những trường hợp này, những mối quan hệ gắn bó đầu đời của trẻ với người khác đã bị suy yếu, phủ nhận hay tan vỡ. Điều đó dễ dẫn đến sự rối loạn khả năng gắn kết và thiết lập mối quan hệ xã hội. Thậm chí sự ảnh hưởng này còn có thể kéo dài cho đến khi trẻ trưởng thành, khi phải đối diện với những khó khăn trong cách chăm sóc, gắn bó với con cái của mình.

Vì sự gắn bó với cha mẹ khi còn thơ ấu có ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển về sau của trẻ, nên cần lưu ý thêm một vấn đề như là việc cải thiện chất lượng mối quan hệ giữa trẻ với cha mẹ trong những năm đầu đời. Chất lượng của sự quan hệ gắn bó giữa trẻ với người lớn thì chịu nhiều ảnh hưởng của chất lượng

chăm sóc mà đứa trẻ đã được trải nghiệm, do đó việc hiểu và đáp ứng những nhu cầu sinh lý và tâm lý cơ bản của trẻ rất quan trọng. Vì khả năng diễn đạt của mong muốn của trẻ còn hạn chế, nên đòi hỏi người chăm sóc phải có sự gần gũi và tinh tế để quan sát trẻ: theo dõi những chuyển động rất nhỏ trên cơ mặt, nhịp thở, chú ý từng cái cau mày, từng tiếng ục ục trong bụng, sự co duỗi của bàn tay... Khi càng gần gũi, càng gắn bó thì sự quan sát ấy sẽ càng nhạy bén và khả năng thấu hiểu chính xác nhu cầu của trẻ càng tăng lên. Sự tiếp xúc da thịt với trẻ trong lứa tuổi này có ý nghĩa lớn với sự phát triển chung của trẻ. Cha mẹ nên duy trì những hành động xoa, vuốt, hôn, ôm ấp với trẻ và chú ý theo dõi mức độ thích thú của trẻ đối với từng kiểu tiếp xúc ấy để điều chỉnh. Dấu hiệu của nhu cầu ăn và ngủ cũng rất cần lưu ý, có những trẻ thật sự đã mệt nhưng vẫn tỏ ra rất hiếu động, muốn được chơi tiếp và nếu không tinh tế cha mẹ có thể đã bỏ qua giấc ngủ của trẻ. Khi bắt đầu nhận diện được sự xuất hiện của người khác, trẻ rất thích chơi và đáp lại những biểu cảm từ người lớn, chẳng hạn như trò “ú òa” cũng khiến trẻ cười đầy thú vị và hào hứng. Tuy nhiên cha mẹ cần nhận biết được những dấu hiệu trẻ bày tỏ muốn được chơi cùng và khi nào trẻ không cảm thấy sẵn sàng hay thấy khó chịu. Trẻ cũng rất thích được nghe giọng nói của người khác, cho nên cha mẹ nên thường trò chuyện với trẻ cho dù câu chuyện chẳng có nội dung gì và trẻ cũng chẳng hiểu được. Nói chuyện với trẻ, chơi với trẻ mỗi ngày theo những mốc thời gian

cố định như lúc sáng sớm mới thức dậy hoặc lúc chiều tan sở về nhà. Điều này sẽ tạo cho trẻ sự quen thuộc và cảm giác gần gũi, an toàn hơn mỗi ngày. Trong những lúc cảm thấy quá bận rộn để thực hiện những lưu ý nhỏ như trên, các bậc cha mẹ và các nhà giáo dục hãy đừng quên câu nói của Rousseau: “dạy dỗ trẻ nhỏ là một công việc mà chúng ta phải biết cách tiêu tốn thời gian để tiết kiệm thời gian” và lấy đó làm động lực.

### 3. Kết luận

Sự gắn bó trong mối quan hệ với cha mẹ những năm đầu đời có sự ảnh hưởng quan trọng và lâu dài lên sự phát triển nhận thức, tình cảm, xã hội của trẻ khi trưởng thành. Hiểu được vai trò ấy sẽ góp phần giúp các bậc cha mẹ và các nhà giáo dục tự xây dựng, định hướng cho

riêng mình trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng mối quan hệ với trẻ, tạo điều kiện cho sự phát triển tốt nhất của trẻ.

Tuy nhiên, nghiên cứu của John Bowlby và các cộng sự chỉ mới được thực nghiệm chủ yếu ở các nước phương Tây. Đây cũng là vấn đề chịu sự ảnh hưởng của yếu tố văn hóa xã hội, phong tục tập quán. Những kết luận của học thuyết gắn bó liệu có phù hợp với quan niệm của những nhà giáo dục, các bà mẹ phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng hay không còn cần phải có thêm nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, để những đóng góp của thuyết gắn bó John Bowlby có thể sớm được ứng dụng sâu rộng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Center on the Developing Child at Harvard University (2010), *The Foundations of Lifelong Health are Built in Early Childhood*, <http://developingchild.harvard.edu>, p.18-19.
2. J. Bretherton (1992), *The Origins of Attachment Theory: John Bowlby and Mary Ainsworth*, *Developmental Psychology* vol.28.
3. John Bowlby (1969), *Attachment. Attachment and Loss: Vol. 1. Loss*, New York: Basic Books.
4. Mary Ainsworth (1985), *Patterns of attachment*, *Clinical Psychologist* 38, p.27-29.
5. R. Schaffer (2007), *Introducing Child Psychology*, Oxford: Blackwell.
6. Hazan C, Shaver PR (1987), *Romantic love conceptualized as an attachment process*, *Journal of Personality and Social Psychology* 52.
7. UNICEF United Kingdom (2013), *Skin to skin contact*, The Baby Friendly Initiative.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 18-3-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 08-4-2014)